

VAI TRÒ ĐỘNG LỰC CỦA DI SẢN VĂN HÓA TRONG SỰ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG TẠI THÀNH PHỐ HUẾ

Nguyễn Toàn

Học viện Chính trị khu vực III, Đà Nẵng

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 06/4/2025

Ngày phản biện: 08/4/2025

Ngày duyệt đăng: 26/5/2025

*Tác giả chính:

nguyentoanhv3@gmail.com

DOI:

<https://doi.org/10.70879/42X31A4rg>

Title:

The motivational role of cultural heritage in sustainable tourism development in Hue city

Từ khóa:

Di sản văn hóa; du lịch bền vững; động lực phát triển; Huế; du lịch di sản.

Keywords:

Cultural heritage; sustainable tourism; development driver; Hue; heritage tourism..

TÓM TẮT: Nghiên cứu phân tích vai trò động lực của di sản văn hóa (DSVH) trong phát triển du lịch bền vững tại thành phố Huế. Dựa trên khung lý thuyết kết hợp giữa lý thuyết di sản, du lịch bền vững và lý thuyết về động lực phát triển, nghiên cứu sử dụng phương pháp tổng hợp, phân tích dữ liệu thứ cấp (giai đoạn 2022–2024) và phân tích nội dung định tính. Kết quả cho thấy DSVH là yếu tố cốt lõi thu hút khách du lịch, tạo doanh thu, việc làm và góp phần bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa địa phương. Tuy nhiên, việc khai thác tiềm năng này còn đối mặt với nhiều thách thức như tính đơn điệu của sản phẩm du lịch, thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao, hoạt động quảng bá số còn hạn chế và chính sách chưa đồng bộ. Nghiên cứu đề xuất các nhóm giải pháp đồng bộ nhằm tối ưu hóa vai trò động lực của DSVH, bao gồm: đa dạng hóa và nâng cao trải nghiệm du lịch di sản, đầu tư phát triển nguồn nhân lực, ứng dụng công nghệ số, tăng cường liên kết và hoàn thiện cơ chế chính sách, hướng tới mục tiêu phát triển du lịch Huế thực sự bền vững và có trách nhiệm.

ABSTRACT: This study analyzes the role of cultural heritage as a driving force in sustainable tourism development in Hue City, Vietnam. Based on a theoretical framework integrating heritage theory, sustainable tourism, and theory of development driver, the study employs a combination of methods including synthesis and analysis of secondary data (2022-2024) and qualitative content analysis. The results show that cultural heritage is a core factor for attracting tourists, generating revenue and employment, and contributing to the preservation and promotion of local cultural identity. However, leveraging this potential faces many challenges such as monotonous tourism products, a shortage of high-quality human resources, inadequate digital marketing, and unsynchronized policies. The study proposes a set of synchronized solutions to optimize the role of heritage as a driver, including diversifying and enhancing heritage tourism experiences, investing in human resource development, applying digital technology, strengthening linkages and improving policy mechanisms, towards the goal of truly sustainable and responsible tourism development in Hue.

1. Giới thiệu vấn đề nghiên cứu

Du lịch di sản hiện là một trong những loại hình du lịch đáng chú ý và phổ biến nhất xét về

lượng du khách và điểm tham quan, thu hút hàng trăm triệu người mỗi năm (Timothy, 2011) [20].

Du lịch văn hóa và di sản đã trở thành một thành phần quan trọng của ngành du lịch toàn cầu. Khách du lịch ngày càng quan tâm đến việc tìm hiểu về lịch sử, văn hóa và di sản địa phương của một điểm đến, dẫn đến sự gia tăng đáng kể trong xu hướng du lịch văn hóa và di sản trong những năm gần đây (Wan Suryani, 2024) [26]. Việc một địa danh được công nhận là Di sản Thế giới ngày càng được xem như một lợi thế cạnh tranh quan trọng để thu hút du khách [12]. DSVH, với tư cách là kết tinh của lịch sử, bản sắc dân tộc và các giá trị nhân loại, ngày càng được thừa nhận rộng rãi là một nguồn lực nội sinh quan trọng có khả năng tạo động lực thúc đẩy phát triển du lịch bền vững (UNESCO, 2018; Richards, 2018) [24],[14]. Trong bối cảnh cạnh tranh điểm đến du lịch toàn cầu ngày càng gia tăng, các quốc gia và địa phương sở hữu hệ thống di sản phong phú đang có xu hướng chuyển dịch từ cách tiếp cận bảo tồn đơn thuần sang mô hình tích hợp, nơi DSVH được khai thác một cách chọn lọc, có trách nhiệm nhằm tạo ra các giá trị cộng hưởng về kinh tế, xã hội và môi trường (Timothy & Boyd, 2003; McKercher & Du Cros, 2002) [21],[11].

Thành phố Huế - cố đô của Việt Nam - là một ví dụ điển hình về điểm đến du lịch di sản. Nổi bật là Quần thể Di tích Cố đô Huế được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới năm 1993, cùng với hệ thống di sản phi vật thể đa dạng như Nhã nhạc cung đình Huế (được UNESCO vinh danh là Kiệt tác Di sản Phi vật thể và Truyền khẩu của Nhân loại), các lễ hội, nghề thủ công truyền thống, phong tục tập quán và tín ngưỡng đặc sắc. Du lịch văn hóa – di sản là sản phẩm chủ lực, tạo nên sức hấp dẫn đặc biệt cho Huế, đóng góp lớn vào vị thế của Huế như một điểm đến du lịch hàng đầu Việt Nam [12].

Mặc dù vậy, bài toán đặt ra là làm thế nào để những tài nguyên di sản này thực sự phát huy vai trò động lực thúc đẩy du lịch phát triển bền vững, tức là vừa mang lại lợi ích kinh tế, vừa bảo tồn được di sản và đảm bảo hài hòa các tác động xã hội, môi trường. Hiện nay, còn tồn tại khoảng trống trong nghiên cứu về cách thức di sản văn

hóa tác động đến các khía cạnh bền vững của du lịch ở Huế. Do đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm phân tích mối quan hệ giữa di sản văn hóa và du lịch bền vững tại Huế, qua đó đề xuất các định hướng phát huy hiệu quả vai trò động lực của di sản.

Nghiên cứu tập trung giải quyết các câu hỏi sau: (1) Di sản văn hóa đã và đang đóng vai trò như thế nào đối với sự phát triển du lịch bền vững tại Huế? (2) Mối quan hệ giữa việc bảo tồn, phát huy di sản với các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường của du lịch bền vững được thể hiện ra sao? (3) Những yếu tố nào điều tiết mối quan hệ giữa di sản văn hóa và du lịch bền vững, cũng như những rào cản nào cản trở việc phát huy vai trò động lực của di sản?

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Lý thuyết về Di sản văn hóa: Nghiên cứu tiếp cận DSVH theo định nghĩa của UNESCO (1972, 2003) [22],[23], bao gồm cả di sản vật thể (công trình kiến trúc, di tích, hiện vật...) và di sản phi vật thể (âm nhạc, lễ hội, nghề thủ công, tri thức dân gian...). DSVH không chỉ là chứng tích lịch sử mà còn là một tài sản đa chiều mang các giá trị thẩm mỹ, biểu tượng, lịch sử, giáo dục, xã hội và kinh tế, có khả năng đóng góp vào sự phát triển đương đại (Hall & McArthur, 1998; Timothy & Boyd, 2003) [8],[21].

Lý thuyết về Phát triển du lịch bền vững: Du lịch bền vững được hiểu là sự phát triển đáp ứng nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai (UNWTO, 2018) [25]. Lý thuyết này nhấn mạnh sự cân bằng giữa ba trụ cột: kinh tế (hiệu quả, việc làm, thu nhập), xã hội (phân phối công bằng lợi ích, bảo tồn bản sắc văn hóa, sự tham gia của cộng đồng, sự hài lòng của du khách) và môi trường (bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và văn hóa, giảm thiểu tác động tiêu cực) (Bramwell & Lane, 2011; Buckley, 2012) [3],[4]. Mối quan hệ tương hỗ giữa bảo tồn di sản và phát triển du lịch được nhấn mạnh: bảo tồn hiệu quả làm tăng sức hấp dẫn du lịch, ngược lại du lịch có trách nhiệm

tạo nguồn lực và nâng cao ý thức cộng đồng về bảo tồn.

Lý thuyết về Động lực phát triển: Thay vì xem DSVH chỉ là một tài nguyên thụ động, nghiên cứu vận dụng quan điểm coi DSVH là một “động lực” chủ động trong phát triển (Smith, 2009; Buhalis, 2000) [15],[5]. Theo đó, DSVH có khả năng kích thích sự đổi mới, sáng tạo trong phát triển sản phẩm du lịch, khơi dậy niềm tự hào và bản sắc địa phương, tạo cơ hội sinh kế đa dạng, và thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan vào quá trình phát triển.

Phân tích mối liên hệ giữa Di sản văn hóa và Phát triển du lịch bền vững dưới góc độ “động lực”

Di sản văn hóa không chỉ là đối tượng được khai thác mà còn giữ vai trò động lực nội sinh thúc đẩy phát triển du lịch bền vững. Động lực này vận hành thông qua ba yếu tố liên kết trong khung phân tích:

(1) Giá trị độc đáo: Di sản Huế chứa đựng hệ thống giá trị lịch sử, kiến trúc, âm nhạc, lễ hội... tạo nên bản sắc không thể thay thế - chính là cơ sở hình thành sức hấp dẫn của điểm đến và là nền tảng phát triển sản phẩm du lịch đặc thù.

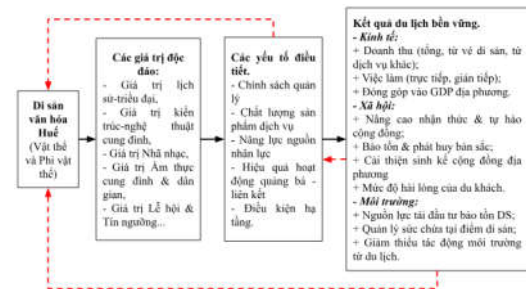
(2) Các yếu tố điều tiết: Chính sách, chất lượng sản phẩm, nhân lực, hạ tầng và hoạt động quảng bá đóng vai trò chuyển hóa giá trị thành hiệu quả thực tiễn, góp phần cân bằng giữa khai thác và bảo tồn.

(3) Kết quả du lịch bền vững: Là đích đến cuối cùng của chu trình - thể hiện qua các tác động tích cực về kinh tế, xã hội, môi trường. Đây cũng là yếu tố tác động ngược lại đến hệ thống điều tiết và tình trạng bảo tồn di sản.

Mối liên hệ qua lại giữa ba yếu tố này tạo nên chu trình tương tác phản hồi: nếu khai thác hiệu quả sẽ tạo ra giá trị gia tăng cho cộng đồng và tái đầu tư vào bảo tồn; ngược lại, nếu yếu tố điều tiết không đủ mạnh, di sản có thể bị thương mại hóa hoặc xuống cấp, từ đó làm suy giảm năng lực phát triển du lịch.

Từ sự tích hợp ba nền tảng lý thuyết này, nghiên cứu đề xuất khung phân tích (xem Hình 1)

cho thấy DSVH Huế (vật thể và phi vật thể), thông qua các giá trị độc đáo của nó (lịch sử, văn hóa, nghệ thuật, giáo dục...), tác động đến phát triển du lịch bền vững trên cả ba phương diện kinh tế, xã hội và môi trường. Quá trình này chịu sự điều tiết của các yếu tố trung gian như chính sách quản lý, chất lượng sản phẩm dịch vụ, năng lực nguồn nhân lực, hiệu quả hoạt động quảng bá - liên kết và điều kiện hạ tầng.



Hình 1: Khung phân tích vai trò động lực của DSVH Huế trong phát triển du lịch bền vững

(Nguồn: Tác giả, 2025)

Mô hình khung phân tích này mô tả DSVH Huế là nguồn gốc tạo ra các giá trị độc đáo, nhưng việc chuyển hóa những giá trị này thành kết quả du lịch bền vững (trên các phương diện kinh tế, xã hội, môi trường) phụ thuộc lớn vào hiệu quả của các yếu tố điều tiết như chính sách, chất lượng sản phẩm, nhân lực và hoạt động quảng bá. Quan trọng hơn, mô hình nhấn mạnh tính tương tác động thông qua các vòng lặp phản hồi: kết quả du lịch không chỉ tác động ngược trở lại để điều chỉnh các yếu tố điều tiết, mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến tình trạng bảo tồn của chính di sản. Đồng thời, đặc điểm và hiện trạng của di sản cũng định hình cách thức quản lý và khai thác nó, tạo thành một hệ thống phức hợp đòi hỏi sự cân bằng liên tục giữa phát triển và bảo tồn.

Đề xuất giả thuyết nghiên cứu:

H1: Việc khai thác di sản văn hóa có tác động tích cực đến phát triển kinh tế du lịch bền vững tại Huế (thông qua việc thu hút du khách, tạo việc làm và thu nhập cho người dân địa phương).

H2: Việc bảo tồn và quảng bá di sản văn hóa góp phần củng cố các giá trị xã hội - văn hóa trong

phát triển du lịch bền vững (như tăng cường niềm tự hào cộng đồng, bảo vệ bản sắc văn hóa địa phương).

H3: Việc quản lý và khai thác di sản văn hóa có ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên theo hướng tích cực nếu được kiểm soát tốt (ví dụ: nguồn thu từ du lịch được tái đầu tư cho bảo vệ cảnh quan, môi trường) nhưng cũng tiềm ẩn tác động tiêu cực nếu vượt quá sức chịu tải.

Những giả thuyết trên sẽ được kiểm chứng hoặc làm sáng tỏ thông qua phân tích trường hợp cụ thể tại Huế trong các phần tiếp theo..

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu áp dụng phương pháp tổng hợp, kết hợp phân tích định lượng và định tính, chủ yếu dựa trên dữ liệu thứ cấp.

Nguồn dữ liệu bao gồm:

Dữ liệu định lượng: Số liệu thống kê về lượng khách du lịch (tổng số, quốc tế, nội địa, khách tham quan di tích), doanh thu du lịch, cơ cấu chi tiêu, số lượng lao động ngành du lịch giai đoạn 2022-2024 được thu thập từ các báo cáo thường niên, báo cáo tổng kết của Sở Du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế và Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế.

Dữ liệu định tính: Các văn bản pháp lý, chính sách liên quan đến bảo tồn di sản và phát triển du lịch của tỉnh Thừa Thiên Huế và Trung ương; các báo cáo tổng kết ngành, kế hoạch, chiến lược phát triển du lịch; các công trình nghiên cứu khoa học, bài báo, kỷ yếu hội thảo đã công bố về du lịch và di sản Huế.

Phương pháp phân tích chính:

Thống kê mô tả: Được sử dụng để xử lý dữ liệu định lượng (ví dụ: lượng khách, doanh thu, lao động), trình bày kết quả dưới dạng bảng biểu, đồ thị nhằm lượng hóa các tác động kinh tế – xã hội của du lịch liên quan đến di sản, cũng như phân tích xu hướng biến động qua các năm.

Phân tích nội dung: Áp dụng cho dữ liệu định tính (chính sách, báo cáo, nghiên cứu) nhằm xác định các chủ đề chính liên quan đến vai trò động lực của DSVH, nhận diện các thành tựu, hạn chế, cơ hội và thách thức trong quá trình khai thác di

sản cho du lịch bền vững tại Huế. Đồng thời phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố trong khung lý thuyết.

Việc lựa chọn cách tiếp cận nghiên cứu định tính với trường hợp điển hình Huế nhằm cho phép phân tích hiện tượng một cách toàn diện trong bối cảnh thực tế, phù hợp để khám phá bản chất mối quan hệ di sản – du lịch bền vững vốn phức tạp. Quá trình phân tích dữ liệu sử dụng kỹ thuật phân tích nội dung định tính, so sánh đối chiếu với khung lý thuyết và giả thuyết đặt ra.

Quy trình nghiên cứu được tiến hành qua các bước:

Xác định vấn đề, mục tiêu nghiên cứu và xây dựng khung lý thuyết.

Thu thập, tổng hợp và hệ thống hóa dữ liệu thứ cấp định lượng và định tính.

Xử lý và phân tích dữ liệu bằng thống kê mô tả và phân tích nội dung.

Diễn giải kết quả, kết nối các phát hiện thực tiễn với khung lý thuyết, xác định các điểm nghẽn.

Đề xuất kết luận và các hàm ý chính sách, giải pháp phát triển.

Kết quả nghiên cứu được trình bày trực quan bằng hệ thống đồ thị, bảng biểu kèm trích dẫn nguồn rõ ràng nhằm đảm bảo tính minh bạch và tin cậy của phân tích.

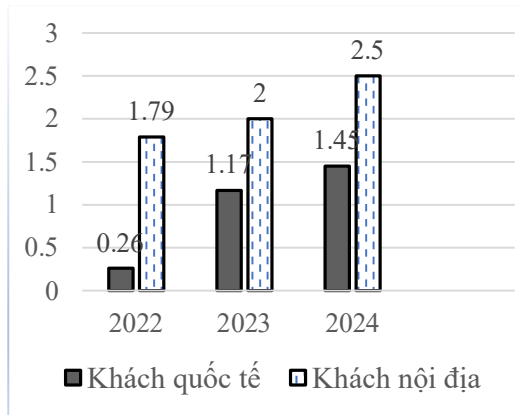
3. Kết quả và thảo luận

3.1. Kết quả nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu cho thấy DSVH Huế giữ vai trò trung tâm trong phát triển du lịch bền vững của địa phương, thể hiện rõ trên cả ba khía cạnh: kinh tế, xã hội và môi trường.

Về kinh tế, DSVH đã góp phần thu hút một lượng lớn du khách trong và ngoài nước. Giai đoạn phục hồi 2022-2024 chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ về lượng khách đến Huế. Trong năm 2022, tổng lượt khách du lịch đạt 2,05 triệu lượt khách, tăng 189% so với năm 2021 [16]; đặc biệt, khách quốc tế tăng từ khoảng 0,26 triệu lượt năm 2022 lên 1,45 triệu lượt năm 2024, và khách nội địa tăng từ 1,79 triệu lên khoảng 2,5 triệu lượt.

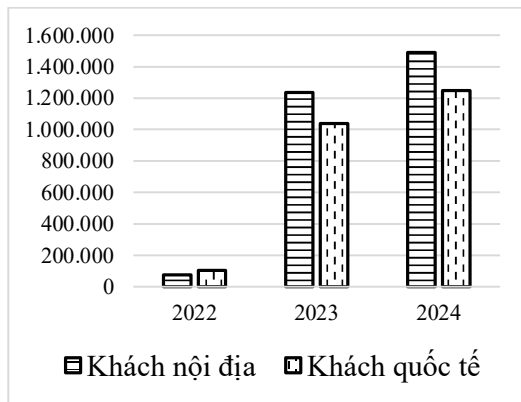
ĐVT: Triệu lượt



Hình 2. Thống kê lượng khách du lịch đến Huế giai đoạn 2020-2024.

Nguồn: [16,17,18].

ĐVT: Lượt khách

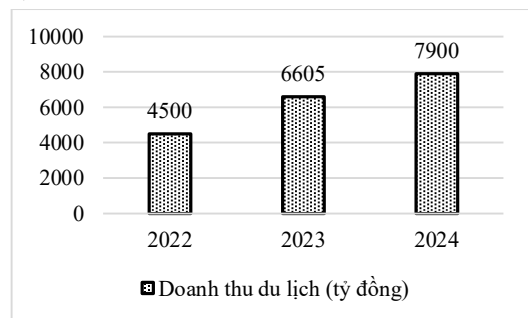


Hình 3. Thống kê lượng khách du lịch tham quan quần thể di tích Cố đô Huế giai đoạn 2022-2024.

Nguồn: [19]

Hình 2 và hình 3 cho thấy bức tranh phục hồi và tăng trưởng ngoạn mục của ngành du lịch di sản Huế sau đại dịch Covid-19, đã có sự bứt phá mạnh mẽ trong năm 2023 và tiếp tục đà tăng trưởng tích cực trong năm 2024. Điểm nổi bật là sự thay đổi cơ cấu khách du lịch, với khách nội địa vươn lên trở thành động lực tăng trưởng chính, vượt qua lượng khách quốc tế. Mặc dù vậy, khách quốc tế cũng cho thấy sự phục hồi đáng kể, đóng góp quan trọng vào tổng lượng khách. Điều này minh chứng cho sức hấp dẫn không ngừng của các giá trị di sản văn hóa Cố đô Huế đối với cả du khách trong và ngoài nước. Việc duy trì đà tăng trưởng này và hướng tới phát triển bền vững sẽ là mục tiêu quan trọng trong thời gian tới.

Du lịch văn hóa cũng đóng góp đáng kể vào ngân sách địa phương. Do tác động của COVID-19, doanh thu du lịch Huế năm 2020 chỉ đạt 3.839 tỷ đồng (giảm 66% so với 2019) và tiếp tục giảm xuống 1.177 tỷ đồng năm 2021 (giảm thêm 69% so với 2020, tương đương gần 90% so với trước dịch) (Phạm Thái Anh Thư & Võ Ngọc Trường Sơn, 2023) [13]. Tuy nhiên, từ sau đại dịch, doanh thu du lịch đã tăng trưởng liên tục: đạt 4.500 tỷ đồng năm 2022 (vượt 12,5% so với mục tiêu đề ra), tăng lên 6.605 tỷ đồng năm 2023 (tăng 45,7% so với 2022) và 7.900 tỷ đồng năm 2024 (tăng 19,6% so với 2023). Đặc biệt, doanh thu từ bán vé tham quan di tích năm 2024 đạt 422 tỷ đồng, cao hơn 18,6% so với năm 2022 và bằng 132% kế hoạch, lập kỷ lục cao nhất từ trước đến nay về nguồn thu di sản ở Huế (Cục Du lịch quốc gia Việt Nam, 2025) [7]. So với thời điểm năm 2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh, lượng khách đến với di tích Huế giảm mạnh, chỉ đạt hơn 1 triệu lượt khách với doanh thu bán vé tham quan đạt hơn 106 tỷ đồng, giảm 72,62% (cụ thể giảm hơn 281,5 tỷ đồng so với năm 2019) (Lê Chung, 2021) [10]. Trong đó, tỷ trọng GRDP du lịch Huế năm 2020 đạt 4,9% (giảm 1,7% so với năm 2019) bởi tác động của đại dịch Covid-19, sang năm 2021 giảm xuống còn 1,4%. Đến năm 2022 trên đà phục hồi sau đại dịch, tỷ trọng GRDP du lịch tăng qua các năm 2022-2024 tương ứng 4,8%; 6,4% và 6,8%.



Hình 4. Doanh thu ngành du lịch thành phố Huế giai đoạn 2022-2024

Nguồn: [16,17,18]

Về xã hội, du lịch văn hóa Huế cũng tạo ra những tác động tích cực về mặt xã hội. Về mặt xã hội, di sản văn hóa Huế không chỉ góp phần tái hiện và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc mà còn

đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố sự gắn kết cộng đồng, nâng cao nhận thức xã hội và thúc đẩy sự tham gia của người dân địa phương vào quá trình phát triển. Di sản văn hóa góp phần định hình bản sắc địa phương và tăng cường ý thức cộng đồng về giá trị văn hóa truyền thống, thể hiện qua việc người dân ngày càng chủ động tham gia vào các hoạt động bảo tồn, trình diễn, hướng dẫn du lịch và phục dựng các nghi lễ truyền thống.

Dù chưa có nhiều số liệu thống kê chi tiết về mức độ tác động này, nhưng các nghiên cứu trước (Timothy & Boyd, 2003; Ballesteros & Ramírez, 2007) [21,1] đã cho thấy du lịch di sản có khả năng gia tăng lòng tự hào văn hóa, đồng thời khuyến khích cộng đồng gìn giữ và phát huy giá trị di sản thông qua các hoạt động kinh tế – văn hóa kết nối với du lịch.

Ngoài ra, đóng góp xã hội của du lịch di sản còn thể hiện rõ qua nhu cầu lao động địa phương. Năm 2022, sau khi du lịch dần phục hồi sau đại dịch, lực lượng lao động trong ngành tại Thừa Thiên Huế chỉ đạt khoảng 7.400 người. Tuy nhiên, theo dự báo của ngành du lịch Huế, đến năm 2025, để phục vụ mục tiêu 4,7 triệu lượt khách, ngành cần 41.323 lao động, trong đó có 13.774 lao động trực tiếp. Con số này sẽ tăng mạnh vào năm 2030, khi Huế dự kiến đón 8,2 triệu lượt khách, kéo theo nhu cầu khoảng 62.834 lao động, bao gồm 20.945 lao động trực tiếp (Hữu Phúc, 2024) [9]. Điều này cho thấy du lịch di sản không chỉ tạo công ăn việc làm cho cộng đồng mà còn thúc đẩy quá trình đô thị hóa, đào tạo nghề và chuyển dịch cơ cấu lao động tại địa phương.

Về môi trường, du lịch văn hóa Huế không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc quảng bá hình ảnh và phát triển kinh tế địa phương mà còn góp phần tích cực vào công tác bảo tồn di sản và bảo vệ môi trường. Trước hết, nguồn thu từ hoạt động du lịch đã được tái đầu tư trực tiếp cho bảo tồn và trùng tu các di sản văn hóa vật thể. Trong giai đoạn 1996-2020, tổng vốn đầu tư cho bảo tồn Quần thể Di tích Cố đô Huế đạt khoảng 1.900 tỷ đồng. Giai đoạn 2021-2025, tỉnh Thừa Thiên Huế

dự kiến bổ sung thêm khoảng 1.000 tỷ đồng cho công tác này. Riêng năm 2024, nhiều dự án trùng tu quy mô lớn đã được triển khai như: phục dựng Điện Kiến Trung (124 tỷ đồng), tu bổ Điện Thái Hòa (128 tỷ), bảo tồn Hải Vân Quan (42 tỷ) và lăng Hoàng Thái hậu Từ Dụ. Việc thành lập Quỹ Bảo tồn Di sản Huế theo Nghị định 84/2022/NĐ-CP của Chính phủ là một bước tiến quan trọng trong việc xã hội hóa nguồn lực bảo tồn, huy động sự tham gia của doanh nghiệp, tổ chức và cộng đồng. [2],[6].

Bên cạnh yếu tố tài chính, công tác quản lý sức chứa tại các điểm di sản đang được chú trọng để giảm thiểu tác động tiêu cực từ hiện tượng quá tải khách du lịch, đặc biệt trong mùa cao điểm và các lễ hội lớn. Các biện pháp như phân luồng khách tham quan, đặt vé trực tuyến, điều tiết giờ tham quan, cũng như ứng dụng công nghệ số trong kiểm soát lượng khách theo thời gian thực đã bước đầu được triển khai tại các điểm như Đại Nội, chùa Thiên Mụ, và các lăng tẩm triều Nguyễn. Điều này không chỉ giúp bảo vệ tính nguyên trạng của di tích mà còn nâng cao trải nghiệm của du khách.

Ngoài ra, việc giảm thiểu tác động môi trường từ hoạt động du lịch văn hóa cũng được triển khai thông qua các mô hình du lịch xanh và bền vững. Một số sáng kiến đã được áp dụng như khuyến khích sử dụng phương tiện giao thông thân thiện với môi trường (xe đạp, xe điện), hạn chế sử dụng đồ nhựa dùng một lần tại điểm di tích, tổ chức các chiến dịch làm sạch môi trường và nâng cao ý thức cộng đồng về bảo vệ tài nguyên văn hóa - môi trường. Những hoạt động này thể hiện rõ định hướng phát triển du lịch Huế gắn với bảo tồn lâu dài, đồng thời tạo nên mối quan hệ tương hỗ tích cực giữa cộng đồng địa phương và ngành du lịch.

Nỗ lực này khẳng định vai trò của du lịch trong việc tái đầu tư cho di sản, đồng thời thể hiện sự chung tay của cộng đồng trong việc gìn giữ Quần thể Di tích Cố đô Huế.

Kết quả nghiên cứu cho thấy mối quan hệ chặt chẽ giữa giá trị độc đáo của DSVH Huế (lịch sử,

nghệ thuật, bản sắc văn hóa) và các kết quả phát triển du lịch bền vững, thông qua vai trò điều tiết của các yếu tố trung gian. Cụ thể, những giá trị cốt lõi của di sản như Hoàng cung triều Nguyễn, lễ hội truyền thống hay nhã nhạc cung đình Huế, nếu được quản lý, quảng bá và phát triển sản phẩm du lịch phù hợp, sẽ nâng cao năng lực cạnh tranh điểm đến, đồng thời tạo ra lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường rõ nét. Ngược lại, nếu thiếu các yếu tố điều tiết hiệu quả - như chính sách phù hợp, chất lượng nhân lực, hạ tầng đồng bộ, hoạt động liên kết thị trường - thì những giá trị này khó được chuyển hóa thành kết quả bền vững. Điều này xác nhận tính chất tác động qua lại, phụ thuộc lẫn nhau giữa các thành tố trong mô hình phân tích.

3.2. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu đã khẳng định rằng di sản văn hóa là một động lực nội tại then chốt, có khả năng thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển du lịch bền vững tại thành phố Huế. Vai trò này thể hiện rõ ở việc di sản giúp thu hút lượng lớn du khách, tạo nguồn thu đáng kể, đóng góp vào tạo việc làm và thúc đẩy công tác bảo tồn, quảng bá hình ảnh địa phương trên trường quốc tế. Tuy nhiên, hiệu quả khai thác vai trò động lực này hiện vẫn bị cản trở bởi những bất cập về sản phẩm, nhân lực, quảng bá và chính sách quản lý như đã phân tích.

Tuy nhiên, quá trình phát huy vai trò động lực của DSVH vẫn còn tồn tại một số rào cản đáng chú ý. Thứ nhất, năng lực quản lý và chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực du lịch - di sản còn hạn chế, đặc biệt ở cấp cơ sở. Thứ hai, việc thiếu liên kết giữa các bên liên quan - chính quyền, doanh nghiệp, cộng đồng, chuyên gia - làm giảm hiệu quả của chiến lược bảo tồn - khai thác. Thứ ba, hiện tượng “thương mại hóa quá mức” hoặc trình diễn di sản phiến diện vì mục tiêu lợi nhuận có nguy cơ làm mất đi tính chân thực của di sản. Cuối cùng, hạ tầng du lịch chưa đồng bộ và thiếu tính bền vững (như giao thông xanh, hệ thống xử lý môi trường) cũng ảnh hưởng đến khả năng duy trì sức hấp dẫn của điểm đến lâu dài.

Để khơi thông và phát huy tối đa tiềm năng di sản, cần triển khai đồng bộ các giải pháp, bao gồm: (1) phát triển các sản phẩm du lịch trải nghiệm chiều sâu, kết hợp sáng tạo giữa di sản vật thể và phi vật thể, tăng cường tính tương tác và yếu tố bản địa; (2) đầu tư đào tạo nguồn nhân lực có chuyên môn sâu về di sản và kỹ năng phục vụ du lịch; (3) ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số (số hóa di sản, thực tế ảo, trí tuệ nhân tạo) trong bảo tồn, quảng bá và mang lại trải nghiệm mới cho du khách; (4) tăng cường liên kết vùng và quốc tế để hình thành mạng lưới du lịch di sản liên điểm đến; (5) hoàn thiện hệ thống chính sách theo hướng khuyến khích đầu tư sáng tạo và thúc đẩy mô hình đồng quản lý di sản với sự tham gia của cộng đồng. Chỉ khi có sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng, di sản Huế mới thực sự trở thành một động lực mạnh mẽ đưa thành phố trở thành hình mẫu phát triển du lịch bền vững dựa trên di sản ở tầm khu vực và quốc tế.

4. Kết luận và gợi ý, đề xuất

4.1. Kết luận

Nghiên cứu đã khẳng định DSVH đóng vai trò động lực cốt lõi, không thể thay thế trong sự phát triển của ngành du lịch văn hóa tại thành phố Huế. Vai trò này được minh chứng qua khả năng thu hút lượng lớn du khách, tạo nguồn thu đáng kể, đóng góp vào việc làm và thúc đẩy công tác bảo tồn, quảng bá hình ảnh địa phương. Tuy nhiên, hiệu quả phát huy động lực này còn bị hạn chế bởi sự đơn điệu trong sản phẩm du lịch, những bất cập trong hoạt động quảng bá và liên kết, sự thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao, cùng môi trường thể chế, chính sách chưa thực sự tạo điều kiện tối ưu. Việc nhận diện rõ các điểm nghẽn đang cản trở động lực di sản là cơ sở quan trọng để đề xuất các giải pháp phát triển bền vững phù hợp.

4.2. Gợi ý, đề xuất

Về sản phẩm và dịch vụ: Ưu tiên đầu tư phát triển các sản phẩm du lịch mới, có chiều sâu, tăng cường trải nghiệm dựa trên sự kết hợp sáng tạo giữa di sản vật thể và phi vật thể (đặc biệt là ẩm

thực, âm nhạc, lễ hội, làng nghề, du lịch đêm). Đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ một cách đồng bộ theo tiêu chuẩn quốc tế nhằm đáp ứng kỳ vọng của du khách.

Về quảng bá và liên kết: Xây dựng chiến lược marketing đi đến chuyên nghiệp, nhấn mạnh nét độc đáo của di sản Huế và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số trong quảng bá (ví dụ: nền tảng mạng xã hội, thực tế ảo, ứng dụng di động). Tăng cường liên kết hiệu quả giữa các doanh nghiệp du lịch, cũng như giữa Huế với các địa phương trong vùng và quốc tế, để phát triển các tuyến du lịch di sản liên vùng hấp dẫn.

Về nguồn nhân lực: Xây dựng kế hoạch chiến lược để đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao cho du lịch Huế, đặc biệt chú trọng đội ngũ am hiểu sâu về di sản văn hóa và có kỹ năng nghiệp vụ, ngoại ngữ tốt. Điều này bao gồm hợp tác với các cơ sở giáo dục, tổ chức các khóa tập huấn chuyên đề về di sản và du lịch bền vững, cũng như có chính sách đãi ngộ nhằm giữ chân nhân tài.

Về chính sách và quản lý: Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư vào du lịch di sản bền vững, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và cộng đồng tham gia phát triển du lịch, đồng thời đảm bảo hài hòa lợi ích các bên và hiệu quả quản lý nhà nước. Tiếp tục đầu tư nâng cấp hạ tầng thiết yếu phục vụ du lịch (giao thông, thông tin, tiện ích du lịch) và triển khai mô hình đồng quản lý di sản với sự tham gia của cộng đồng địa phương trong việc bảo tồn và khai thác di sản.

Việc triển khai đồng bộ các giải pháp nêu trên, với sự vào cuộc quyết liệt của chính quyền, sự năng động của doanh nghiệp và sự tham gia tích cực của cộng đồng, sẽ giúp khơi thông và phát huy tối đa sức mạnh động lực từ di sản, đưa du lịch văn hóa Huế phát triển lên một tầm cao mới, bền vững và giàu bản sắc.

Tài liệu tham khảo

1. Ballesteros, E. R., & Ramírez, M. H. (2007). Identity and community: Reflections on the

development of mining heritage tourism in Southern Spain. *Tourism Management*, 28(3), 677–687.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. (2023). *Huế: Bổ sung nguồn lực trùng tu di sản*. <https://bvhttdl.gov.vn/hue-bo-sung-nguon-luc-trung-tu-di-san-202307041444015.htm>
3. Bramwell, B., & Lane, B. (2011). Critical research on the governance of tourism and sustainability. *Journal of Sustainable Tourism*, 19(4–5), 411–421. <https://doi.org/10.1080/09669582.2011.580586>
4. Buckley, R. (2012). Sustainable tourism: Research and reality. *Annals of Tourism Research*, 39(2), 528–546.
5. Buhalis, D. (2000). Marketing the competitive destination of the future. *Tourism Management*, 21(1), 97–116.
6. Chính phủ. (2022). *Nghị định số 84/2022/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2022 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Quỹ Bảo tồn di sản Huế*.
7. Cục Du lịch quốc gia Việt Nam. (2025). *Gần 2,8 triệu lượt khách đến tham quan di sản Huế trong năm 2024*. <https://thongke.tourism.vn/index.php/news/items/240>
8. Hall, C. M., & McArthur, S. (Eds.). (1998). *Integrated heritage management: Principles and practice*. Stationery Office Books.
9. Hữu Phúc. (2024). *Thừa Thiên Huế: Phát triển du lịch, quan trọng là phát triển nguồn nhân lực*. Cục Du lịch quốc gia Việt Nam. <https://vietnamtourism.gov.vn/post/55416>
10. Lê Chung. (2021). *Du khách đến di tích Huế giảm mạnh trong năm 2020*. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. <https://bvhttdl.gov.vn/du-khach-den-di-tich-hue-giam-manh-trong-nam-2020-20210115113729176.htm>
11. McKercher, B., & Du Cros, H. (2002). *Cultural tourism: The partnership between tourism and cultural heritage management*. Haworth Hospitality Press.

12. Nguyen, T. H. H., & Cheung, C. (2013). The classification of heritage tourists: A case of Hue City, Vietnam. *Journal of Heritage Tourism*, 9(1), 35–50. <https://doi.org/10.1080/1743873X.2013.818677>
13. Phạm Thái Anh Thư, & Võ Ngọc Trường Sơn. (2023). Đánh giá chất lượng nguồn nhân lực du lịch Thừa Thiên Huế. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Kinh tế và Phát triển*, 132(5A), 145–165. <https://doi.org/10.26459/hueunijed.v132i5A.7022>
14. Richards, G. (2018). Cultural tourism: A review of recent research and trends. *Journal of Hospitality and Tourism Management*, 36, 12–21. <https://doi.org/10.1016/j.jhtm.2018.03.005>
15. Smith, M. K. (2009). *Issues in cultural tourism studies* (2nd ed.). Routledge. <https://doi.org/10.4324/9780203869857>
16. Sở Du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế. (2022). *Báo cáo tình hình hoạt động du lịch năm 2022 – phương hướng, nhiệm vụ năm 2023*.
17. Sở Du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế. (2023). *Báo cáo tình hình hoạt động du lịch năm 2023 – phương hướng, nhiệm vụ năm 2024*.
18. Sở Du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế. (2024). *Báo cáo tình hình hoạt động du lịch năm 2024 – phương hướng, nhiệm vụ năm 2025*.
19. Timothy, D. J. (2011). *Cultural heritage and tourism: An introduction*. Channel View Publications.
20. Timothy, D. J., & Boyd, S. W. (2003). *Heritage tourism*. Prentice Hall.
21. Trung tâm Bảo tồn Di tích Cổ đô Huế. *Thống kê số lượng khách tham quan*. <https://eticket.hueworldheritage.org.vn/thong-ke>
22. UNESCO. (1972). *Convention concerning the protection of the world cultural and natural heritage*.
23. UNESCO. (2003). *Convention for the safeguarding of the intangible cultural heritage*.
24. UNESCO. (2018). *UNESCO's work on culture and sustainable development: Evaluation of a policy theme*. UNESCO Publishing. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000234443>
25. UNWTO. (2018). *Tourism and the Sustainable Development Goals – Journey to 2030*. UNWTO Publications.
26. Wan Suryani. (2024). Cultural and heritage tourism trends for sustainable tourism. In *Special interest trends for sustainable tourism* (pp. 1–15).